

 thời tiết	 nắng	sonnig Anh ấy thích một ngày nắng. Er mag einen sonnigen Tag. Lektion 41 · Wetter & Jahreszeiten	das Wetter Hôm nay thời tiết đẹp quá. Das ist heute schönes Wetter. Lektion 41 · Wetter & Jahreszeiten
 nhiều mây	 mưa	regnerisch Một ngày mưa có thể rất ẩm cúng. Ein regnerischer Tag kann gemütlich sein. Lektion 41 · Wetter & Jahreszeiten	bewölkt Họ dự báo chiều nay trời sẽ nhiều mây. Man erwartet einen bewölkten Nachmittag. Lektion 41 · Wetter & Jahreszeiten
 có gió	 nóng	heiß Trà này rất nóng. Dieser Tee ist sehr heiß. Lektion 41 · Wetter & Jahreszeiten	windig Bên ngoài đang có gió. Es ist windig draußen. Lektion 41 · Wetter & Jahreszeiten
 lạnh	 ấm	warm Hôm nay ở bãi biển trời ấm. Am Strand war es heute warm. Lektion 41 · Wetter & Jahreszeiten	kalt Gió lạnh thổi vào mùa đông. Der kalte Wind weht im Winter. Lektion 41 · Wetter & Jahreszeiten



mùa xuân



mùa hè



mùa thu



mùa đông



ô



áo mưa



dự báo thời tiết



bóng râm

der Sommer

Mùa hè là một mùa rất nóng.
Sommer ist eine sehr heiße
Jahreszeit.

Lektion 41 · Wetter & Jahreszeiten

der Frühling

Các loài hoa rất thích mùa
xuân.
Die Blumen lieben den
Frühling.

Lektion 41 · Wetter & Jahreszeiten

der Winter

Mùa đông ở đây có thể rất
lạnh.
Winter kann hier sehr kalt sein.

Lektion 41 · Wetter & Jahreszeiten

der Herbst

Mùa thu là mùa tôi thích
nhất.
Der Herbst ist meine
Lieblingsjahreszeit.

Lektion 41 · Wetter & Jahreszeiten

der Regenmantel

Cái áo mưa này giữ ấm cho
tôi.
Dieser Regenmantel hält mich
warm.

Lektion 43 · Wetter & Vorhersage 2

der Regenschirm

Cô ấy có một chiếc ô màu
đỏ.
Sie hat einen roten
Regenschirm.

Lektion 43 · Wetter & Vorhersage 2

der Schatten

Chúng ta cần bóng râm vào
một ngày nóng.
Wir brauchen Schatten an
einem heißen Tag.

Lektion 43 · Wetter & Vorhersage 2

die Vorhersage

Tôi xem dự báo thời tiết mỗi
ngày.
Ich schaue mir jeden Tag die
Vorhersage an.

Lektion 43 · Wetter & Vorhersage 2



dông



sét



sương mù



tuyết



đá



mưa đá



trơn



nhệt độ

der Blitz

Anh ấy đã nhìn thấy tia sét sáng rực vào tối hôm qua.

Er sah letzte Nacht einen hellen Blitz.

Lektion 43 · Wetter & Vorhersage 2

das Gewitter

Một trận dông mang theo mưa lớn.

Ein Gewitter bringt starken Regen.

Lektion 43 · Wetter & Vorhersage 2

der Schnee

Đây là tuyết trắng, mới rơi.

Das ist frischer, weißer Schnee.

Lektion 43 · Wetter & Vorhersage 2

der Nebel

Họ lái xe qua lớp sương mù dày đặc.

Sie fahren durch dichten Nebel.

Lektion 43 · Wetter & Vorhersage 2

der Hagel

Ngoài kia có nhiều mưa đá quá.

Draußen ist viel Hagel.

Lektion 43 · Wetter & Vorhersage 2

das Eis

Chúng tôi cho đá vào đồ uống của mình.

Wir geben Eis in unsere Getränke.

Lektion 43 · Wetter & Vorhersage 2

die Temperatur

Họ kiểm tra nhiệt độ hàng ngày.

Sie überprüfen die Temperatur täglich.

Lektion 43 · Wetter & Vorhersage 2

rutschig

Cô ấy bị ngã trên mặt băng trơn.

Sie ist auf dem rutschigen Eis ausgerutscht.

Lektion 43 · Wetter & Vorhersage 2